

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày: 19/5/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hoài Phương;
2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2019/TLST - DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 03 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST- DS ngày 23/4/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2021/ QĐTNPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Thông báo đình chính ngày 23/04/2021 của Tòa án nhân dân thành phố X, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông bà Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969 - Phạm Thị Kim H (Mai), sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ 10, khóm k2, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông bà Ngô Văn A, sinh năm: 1967 và Trần Thị L, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Tổ 03, khóm k3, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Phương M, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Tổ 10, khóm k3, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Tổ 02, khóm V2, xã T, thành phố X, tỉnh An Giang.

3. Ông Bùi Công U, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Tổ 10, khóm k3, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang.

4. Chị Bùi Thị Ngọc Y, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Tổ 10, khóm k2, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

Ông Ngô Văn A vắng mặt.

Các người làm chứng vắng mặt và cùng có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông bà Nguyễn Văn T - Phạm Thị Kim H (Mai) trình bày:

Ông bà (T - H (Mai) có cho ông bà Ngô Văn A và Trần Thị L vay 03 lần tiền như sau:

Ngày 08/6/2018 ÂL vay 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng;

Ngày 08/6/2018 vay 10.000.000 (Mười triệu) đồng;

Ngày 16/7/2018 vay 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Tổng cộng ông bà A - L đã vay của ông bà 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng; Quá trình vay ông bà A - L chỉ có góp cho chúng tôi 550.000 đồng/ngày x 45 ngày thành tiền là: 24.750.000 (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Mục đích vay để làm đám cưới cho con.

Nay chúng tôi có yêu cầu ông bà Ngô Văn A và Trần Thị L trả cho ông bà vốn gốc 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng và tính lãi suất theo mức lãi do pháp luật quy định từ ngày vay cho đến ngày xét xử và khấu trừ tiền đã đóng là: 24.750.000 (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- 03 biên nhận nợ đề ngày: Ngày 08/6/2018 ÂL; Ngày 08/6/2018 và ngày 16/7/2018 (Bản photo);

Trong quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn ông bà Ngô Văn A - Trần Thị L trình bày:

Chúng tôi xác nhận ba biên nhận mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và chúng tôi đã được Tòa án photo giao chúng tôi; chúng tôi xác nhận chữ viết nhận tiền không phải của chúng tôi, chữ ký tên và ghi họ tên là của chúng tôi.

Vợ chồng chúng tôi có vay số tiền 110.000.000 (Một trăm mười triệu)

đồng vào ngày 08/6/2018 (ÂL) và chúng tôi đã đóng lãi cho bà H (Mai) tổng cộng 729.000.000 (*Bảy trăm hai mươi chín triệu*) đồng; cụ thể trả lãi như sau:

15 tháng x 1.100.000 đồng/ngày = 495.000.000 đồng (1);

Đóng ngày 26/8/2019 ÂL chúng tôi chuyển sang trả lãi hàng tháng: 33.000.000 đồng x 4 tháng = 132.000.000 đồng (2);

Đến tháng 01/2020 ÂL do không mua bán làm ăn được nên chúng tôi đóng lãi ít; đóng 34 ngày; mỗi ngày 300.000 đồng = 10.200.000 đồng (3).

Tổng cộng 03 khoản trả lãi: 729.000.000 (*Bảy trăm hai mươi chín triệu*) đồng

Các lần trả tiền lãi cho bà Mai, bà Mai không có viết biên nhận đã nhận tiền mà chúng tôi chỉ khai theo đúng sự thật. Đề nghị Tòa án xác minh việc bà Mai cho vay nặng lãi.

Đối với yêu cầu kiện của nguyên đơn do chúng tôi đóng lãi quá cao nên không đồng ý trả số tiền vốn gốc 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng.

Chứng cứ chứng minh:

Các người làm chứng biết chúng tôi đóng tiền lãi cho bà Mai, đã giao nộp 03 tờ tường trình cho Tòa án: Nguyễn Thị Phương TM; Nguyễn Ngọc N; Bùi Công TH.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các người làm chứng trình bày:

Ông Bùi Công TH:

Ông không có bà con gì với chị L. Ông thường xuyên ghé quán cà phê của bà L uống cà phê. Từ năm 2018 - 2019 ông có nhìn thấy chị L góp tiền cho bà Mai Gạo là 1.100.000 đồng khoảng 40 lần; Bà Mai Gạo nhận tiền xong rồi chạy xe đi không có viết gì cả.

Bà Nguyễn Thị Phương TM:

Bà là bạn thân của chị Trần Thị L (tôi thường xuyên lại nhà của chị L ăn cơm và bà lượm bọc tiếp cho chị L) nên bà biết sự việc chị L vay tiền của bà Mai gạo; chị L khóc và có nói với bà: Mỗi ngày đóng cho Mai Gạo 1.100.000 đồng; bà có nói “Sao mà đóng nhiều thế, chết rồi”; nếu không có tiền đóng thì bà Mai Gạo chửi dữ lắm và có nhờ bà vay dùm, bà vay dùm cho chị L 7.000.000 đồng để bù vô đúng 33.000.000 đồng đưa cho Mai gạo. Vài ngày sau, bà Mai Gạo chạy xe hon da đến thì bóp kèn xe và chị L đem tiền ra đưa 33.000.000 đồng cho bà Mai Gạo. Bà thấy đưa tiền nhưng không thấy bà Mai Gạo viết biên nhận nhận tiền.

Bà thấy chị L tiền cho Mai Gạo 33.000.000 đồng, tổng cộng là 4 lần từ tháng 9; 10,11,12/2019 (đưa tại quán cà phê của chị L). Ngoài bà ra không có ai thấy vì lúc đó bà nằm trên võng. Bà chỉ khai theo sự thật không có chứng cứ chứng minh.

Bà Nguyễn Ngọc N:

Bà thường xuyên ghé quán cà phê của bà L uống cà phê. Chị L than với bà là chị L có vay của Mai Gạo: 110.000.000 đồng vay năm 2018; mỗi ngày đóng lãi 1.100.000 đồng, do chị L làm ăn được nên đóng lãi đều đặn mỗi ngày từ năm 2018 - 2019; đến năm 2020 thì bà ít khi lại quán do dịch bệnh. Có một lần bà thấy chị Mai lại quán đập bàn vào chiều ngày không nhớ, khoảng tháng 6 năm 2019, bà có năn nỉ cô Mai cho chị L khi nào nhận tiền bồi thường cấp treo tiền vốn - lãi : 210.000.000 đồng nhưng bà Mai Gạo không chịu.

Bà xác nhận có nhìn thấy chị L đóng tiền lãi mỗi ngày 1.100.000 đồng cho bà Mai Gạo. Bà không nhìn thấy viết biên nhận có nhận tiền lãi; cũng không thấy bà Mai ghi sổ sách gì cả. Bà không có chứng cứ chứng minh mà chỉ khai theo sự thật.

Chị Bùi Thị Ngọc Y:

Biên bản ghi lời khai 18/10/2020 Công an phường S, thành phố X lập có ghi ý kiến của chị, chị có trình bày sự việc mẹ chị đến đòi tiền bị đơn và mẹ chị có đánh bị đơn. Đối với khoản tiền vay thì chị nghe nói bị đơn có vay tiền của cha mẹ chị 110.000.000 (Một trăm, mười triệu) đồng, lý do mượn là tổ chức lễ cưới cho con của bà L. Do bà L không trả vốn – lãi nên mới xảy ra sự việc trên.

Tiền lãi đã đóng cho cha mẹ chị, chị không rành, chỉ nghe nói lại nên khi Công an hỏi chị chỉ trả lời chung chung chứ không có con số chính xác, mà chính xác là mẹ chị.

Tòa án đã tiến hành hòa giải các bên chỉ thống nhất được vốn vay, khoản lãi thanh toán không thống nhất nên hòa giải không thành và Tòa án tiến hành đối chất giữa các đương sự và các người làm chứng.

Tại phiên tòa,

Ông bà T -H (Mai) trình bày: Xác định không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác; Thời gian nhận tiền của bà L vào buổi sáng khoảng 9 đến 10 giờ, còn ban đêm khoảng 10 giờ đêm (22 giờ); Giao nộp bản chính 03 biên nhận nợ; Các khoản vay tiền đều cho vay vào các ngày ÂL không phải ngày DL và yêu cầu ông bà A - L có trách nhiệm trả cho ông bà vốn vay 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng và tiền lãi, mức lãi suất do pháp luật quy định từ ngày vay cho đến ngày xét xử và khấu trừ khoản tiền đã đóng là: 24.750.000 (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bị đơn bà Trần Thị L cho rằng bà có ghi âm việc bà H (Mai) có lời lẽ hăm dọa các người làm chứng sau ngày Tòa án tiến hành đối chất nên những người này không dám đến phiên tòa. Đoạn ghi âm do bà ghi điện thoại di động và được sự thống nhất của Hội đồng xét xử, bà L mở loa phát lại, Hội đồng xét xử có yêu cầu bà gửi đoạn ghi âm trên cho Hội đồng xét xử; bà L xác định không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và bà xác định có vay tiền của bà L: 110.000.000 đồng, ngày vay là ngày 08/6/2018 ÂL, bà đã đóng lãi cho bà H (Mai) tổng cộng 03 khoản trả lãi: 729.000.000 (Bảy trăm hai mươi chín triệu)

đồng, nay tại phiên tòa khi cộng 03 khoản trả lãi chỉ có 637.200.000 đồng, nên thống nhất tiền lãi đã đóng cho nguyên đơn 637.200.000 đồng) và không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vợ chồng bà đã đóng cho nguyên đơn quá nhiều.

Hội đồng xét xử:

Công bố lời khai của ông Ngô Văn A;

Công bố lời khai của người làm chứng gồm có:

Ông Bùi Công TH;

Bà Nguyễn Thị Phương TM;

Bà Nguyễn Ngọc N;

Chị Bùi Thị Ngọc Y;

Công bố toàn bộ tài liệu chứng cứ: Tòa án thu thập cấp theo Quyết định số 01/2021/QĐ - CCTLCC ngày 12/01/2021 và được Cơ quan Cảnh Sát Điều Tra, Công an thành phố X cung cấp;

Thông báo số 132 ngày 02/3/2021 của Cơ quan Cảnh Sát Điều Tra, Công an thành phố X cung cấp;

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy:

Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: từ tháng 6/2018 âm lịch đến tháng 7/2018 (âm lịch), ông Ngô Văn A và bà Trần Thị L có vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị Kim H nhiều lần tổng số tiền 110.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất cụ thể, đã nhận tiền lãi được tổng cộng 24.750.000 đồng, sau đó ông A, bà L không trả vốn và lãi nên ông T, bà H yêu cầu ông A, bà L trả số tiền vay 110.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử có khấu trừ tiền lãi đã đóng. Bị đơn ông A, bà L thừa nhận có vay số tiền 110.000.000 đồng như nguyên đơn

trình bày. Tuy nhiên, ông A, bà L đã trả lãi nhiều lần tổng cộng 637.200.000 đồng quá nhiều nên không đồng ý trả. Xét thấy, việc vay nợ giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện, các bên xác nhận số tiền vốn vay 110.000.000 đồng, quá trình vay ông A, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T, bà H yêu cầu trả số tiền vốn vay 110.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với lãi suất:

Theo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm xác định không có đủ cơ sở xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà H về hành vi cho vay lãi nặng, việc bà L, ông A cho rằng ông bà đã đóng lãi cho bà thanh 637.200.000 đồng, bị đơn yêu cầu Tòa án ghi lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị Phương TM, bà Nguyễn Ngọc N khai: Nghe L nói vay của bà Mai 110.000.000 đồng mỗi ngày đóng lãi 1.100.000 đồng; ngoài ra bà L còn nhờ TM vay 7.000.000 đồng để trả cho Mai 33.000.000 đồng; tuy nhiên biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2020 tại Cơ quan Điều Tra, bà TM khai: Thấy bà L đưa tiền cho bà Mai 3 - 4 lần vào khoảng 19 - 20 giờ, không rõ số tiền; bà N khai: Thấy bà L đưa tiền cho bà Mai khoảng 3 - 4 lần vào khoảng 11 giờ trưa. Ông Bùi Công TH thấy bà L đưa cho bà H 1.100.000 đồng mỗi ngày khoảng 40 lần, tuy nhiên lời khai này không khách quan vì ông TH không nêu được lý do ông biết số tiền và số lần bà L đưa tiền cho bà H; người làm chứng Bùi Thị Thúy Y khai: Nghe cha mẹ (T - H) nói bà L vay tiền của cha mẹ bà, không rõ số tiền vay, lãi suất và tiền đã trả, tại Cơ quan Cảnh sát Điều Tra tôi khai thấy bà L gởi 550.000 đồng/ngày trong khoảng 1 - 2 tháng nhưng không xác định đây là tiền lãi nên không có cơ sở xem xét. Do đó, việc ông T, bà H thừa nhận có nhận lãi 24.750.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ thời điểm vay đến ngày xét xử có khấu trừ số tiền lãi đã đóng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 463, 468 Bộ Luật Dân sự 2015, đề xuất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích nêu trên, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn, lãi vay còn nợ 110.000.000 (Một trăm, mười triệu) đồng và tính lãi do pháp luật quy định từ ngày vay cho đến ngày xét xử và khấu trừ tiền đã đóng là: 24.750.000 (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ

hợp đồng dân sự vay tài sản và bị đơn cư trú tại phường S, thành phố X nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về vốn vay:

03 (ba) biên nhận nợ đề ngày: Ngày 08/6/2018 ÂL (Ông A và bà L có ký tên); Ngày 08/6/2018 (không ký tên) và ngày 16/7/2018 (ông A ký tên). Tổng cộng 03 khoản vay: 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng.

Bị đơn nhận có vay của nguyên đơn vốn gốc 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng vào ngày 08/6/2018, nhưng trả lãi cho bà H (Mai): 729.000.000 (Bảy trăm hai mươi chín triệu) đồng. Cụ thể các khoản thanh toán như sau:

15 tháng x 1.100.000 đồng/ngày = 495.000.000 đồng (1);

Đóng ngày 26/8/2019 ÂL chúng tôi chuyển sang trả lãi hàng tháng: 33.000.000 đồng x 4 tháng = 132.000.000 đồng (2);

Đến tháng 01/2020 ÂL do không mua bán làm ăn được nên chúng tôi đóng lãi ít; đóng 34 ngày; mỗi ngày 300.000 đồng = 10.200.000 đồng (3).

Tổng cộng đã trả lãi cho nguyên đơn: 729.000.000 (Bảy trăm hai mươi chín triệu) đồng.

Chứng cứ chứng minh: Các người làm chứng biết bị đơn đóng tiền lãi cho bà Mai: Nguyễn Thị Phương Trâm; Nguyễn Ngọc N; Bùi Công TH.

Các người làm chứng do bị đơn cung cấp trong lời khai chỉ nhìn thấy bà Mai đến quán nước của bị đơn nhận tiền, không thấy bà Mai viết biên nhận nhận tiền.

Bị đơn khai không có chứng cứ chứng minh đã đóng lãi cho nguyên đơn số tiền 729.000.000 (Bảy trăm hai mươi chín triệu) đồng mà chỉ khai theo sự thật và có yêu cầu Tòa án làm rõ việc nguyên đơn cho vay nặng lãi và không chấp nhận yêu cầu kiện của nguyên đơn.

Về vốn vay theo 03 (ba) biên nhận gồm có:

Ngày 08/6/2018 ÂL: 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng (bị đơn có ký tên);

Ngày 08/6/2018: 10.000.000 (mười triệu) đồng (không ký tên);

Ngày 16/7/2018: 10.000.000 (mười triệu) đồng (ông A ký tên). Tổng cộng 03 khoản vay: 110.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bị đơn chỉ thừa nhận số tiền vay của nguyên đơn là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng vào ngày 08/6/2018 (ÂL), chỉ vay một ngày và ký tên vào cuốn sổ ca rô do bà Mai quản lý; các biên nhận do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, ông bà không chấp nhận nhưng lại thừa nhận có ký

tên biên nhận đề ngày 08/6/2018 ÂL và biên nhận đề ngày 16/7/2018 anh A thừa nhận có ký tên.

Các đương sự thống nhất khoản vay 110.000.000 đồng. Thời gian vay chưa thống nhất nhau, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện 03 khoản vay là ngày 08/6/2018 ÂL của khoản tiền: 90.000.000 (*chín mươi triệu*) đồng và 10.000.000 đồng (vay buổi chiều) (Chị H (Mai) khai là cho vay cùng một ngày); Ngày 16/7/2018 của khoản vay 10.000.000 đồng. Tổng cộng 03 khoản vay 110.000.000 đồng là phù hợp như trình bày của bị đơn là có vay tiền của nguyên đơn: 110.000.000 đồng.

Về thời gian vay tuy nguyên đơn và bị đơn khai khác nhau nhưng căn cứ các biên nhận nhận do nguyên đơn cung cấp thì có cơ sở xác định lời khai của nguyên đơn là có căn cứ vì hai biên nhận có chữ ký của bị đơn (trong đó biên nhận ngày 16/7/2018 chỉ có ông A ký tên), riêng biên nhận đề ngày 28/6/2018 bị đơn không ký tên nhưng trùng thời gian bị đơn khai là vay tiền vào ngày 28/6/2018 ÂL nên xem như ngày vay 28/6/2018 ÂL, bị đơn 02 lần vay 100.000.000 đồng. Biên nhận vay tiền đề ngày 16/7/2018 khoản vay 10.000.000 đồng. Ông A thừa nhận có ký tên vào biên nhận.

Ông bà A - L cho rằng chỉ vay một khoản vay 110.000.000 đồng vào ngày 08/6/2018 ÂL. Tuy nhiên biên nhận đề ngày 16/7/2018 ông A xác định là chữ ký của ông nên xác định ông A vay tiền vào thời gian trên.

[4] Biên nhận vay thể hiện thời gian vay ÂL và một biên nhận chỉ viết ngày tháng năm:

Nguyên đơn khai cho bị đơn vay ngày 08/6/2018 ÂL và ngày 16/7/2018 ÂL, bị đơn khai ngày vay duy nhất là ngày 08/6/2021 ÂL.

Từ đó xác định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn và vay theo hai biên nhận nợ, biên nhận đề ngày 08/6/2018 ÂL của khoản vay 100.000.000 đồng và biên nhận đề ngày 16/7/2018 ÂL khoản vay 10.000.000 đồng.

[5] Về yêu cầu tính lãi, phương thức thanh toán:

Biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp không thể hiện lãi suất cho vay, nguyên đơn khai cho vay lãi suất là 3%/tháng; bị đơn khai lãi suất là 1.100.000/ngày/110.000.000 đồng.

Nguyên đơn khai bị đơn đã tạm đóng cho nguyên đơn số tiền 24.750.000 (*Hai mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Bị đơn khai đã đóng lãi cho nguyên đơn số tiền 729.000.000 (*Bảy trăm hai mươi chín triệu*) đồng và nay cho rằng lãi đã đóng nên không chấp nhận trả vốn vay cho nguyên đơn và cho rằng việc nguyên đơn cho vay nặng lãi. Theo thông báo số 132 ngày 02/3/2021 của Cơ quan Cảnh Sát Điều Tra, Công an thành phố X cung cấp: “..Theo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm xác định không có đủ cơ sở xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà H về hành vi cho vay lãi nặng lãi..”. Mặt khác, đối với tiền lãi đã đóng cho nguyên đơn, bị

đơn không đưa ra chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận lời khai của bị đơn.

Do đó, chấp nhận lời khai của nguyên đơn, đã nhận tiền 24.750.000 đồng, từ bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán vốn vay và lãi từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử khấu trừ lãi đã đóng.

Xét, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản là tiền. Theo đó, nguyên đơn đã giao số tiền vốn vay cho bị đơn nhận là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng, do bị đơn không thực hiện việc đóng lãi cho nguyên đơn đầy đủ nên nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở chấp nhận.

Riêng đối với mức lãi suất, mặc dù trong biên nhận không thể hiện lãi suất thỏa thuận là bao nhiêu, nguyên đơn khai lãi suất cho vay là 3%/tháng, chỉ vay trong một tháng thì thanh toán dứt điểm cho nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận khi vay tiền, lãi suất thỏa thuận là 1.100.000 đồng/ngày/110.000.000 đồng và đã đóng cho nguyên đơn tổng cộng là 729.000.000 (Bảy trăm hai mươi chín triệu) đồng và cung cấp các người làm chứng biết việc đóng lãi cho nguyên đơn. Tòa án triệu tập và ghi nhận ý kiến của các người làm chứng:

Ông Bùi Công TH xác định: Từ năm 2018 - 2019 ông có nhìn thấy chị L góp tiền cho bà Mai Gạo là 1.100.000 đồng khoảng 40 lần;

Bà Nguyễn Thị Phương TM khai tại Tòa án: Bà thấy chị L tiền cho Mai Gạo 33.000.000 đồng, tổng cộng là 4 lần từ tháng 9; 10,11,12/2019 (đưa tại quá cả phê của chị L). Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2020 tại Cơ quan Cảnh sát Điều Tra, Công an thành phố X thì bà Phương TM khai bà thấy bà L đưa tiền cho bà Mai khoảng 3 - 4 lần vào khoảng 19 giờ - 20 giờ, không rõ số tiền bao nhiêu, chỉ nghe bà L nói là tiền mỗi ngày 1.100.000 đồng (Bút lục số 67 - 68);

Bà Nguyễn Ngọc N có lời khai tại Tòa án: Bà có nhìn thấy chị L đóng tiền lãi mỗi ngày 1.100.000 đồng cho bà Mai Gạo, thế nhưng lời khai tại Cơ quan Cảnh sát Điều Tra - Công an thành phố X ngày 26/12/2020 bà khai thấy bà Mai gạo cháy đến thì bà L đi ra đưa tiền cho bà Mai gạo nhưng không biết bao nhiêu, có khoảng 3 - 4 lần không đủ tiền bà L mượn tiền của bà và đếm tiền cho đủ 1.100.000 đồng đưa cho bà Mai và bà thấy bà L đưa tiền cho bà Mai gạo liên tục từ khoảng 01 đến tháng 04/2019 ÂL (BL 69 - 70).

Xét, lời khai của các người làm chứng không xác định được bị đơn vay tiền của nguyên đơn cũng như số tiền lãi đã đóng cho nguyên đơn là bao nhiêu. Mặt khác, bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh đã trả lãi số tiền trên nên không có cơ sở xem xét.

Do đó, việc ông T, bà H khai có nhận số tiền 24.750.000 (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ thời điểm vay đến ngày xét xử có khấu trừ số tiền lãi đã đóng là có cơ sở chấp nhận.

Vậy, tiền lãi tính như sau:

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ và lãi, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thời gian tính lãi kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ từ ngày vay tức ngày 08/6/2018 ÂL và ngày 16/7/2018 ÂL đến ngày xét xử. Mức lãi suất làm căn cứ tính là 50% của mức lãi suất giới hạn (20%/năm), tức bằng 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi được tính như sau:

- Tiền lãi theo quy định pháp luật trong giai đoạn từ ngày 08/6/2018 ÂL nhằm ngày 20/7/2018 đến ngày 19/5/2021 (33 tháng 29 ngày) được tính như sau:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 33 \text{ tháng } 29 \text{ ngày (1019 ngày)} = 28.192.000 \text{ đồng (1).}$

Khoản vay 10.000.000 đồng.

- Tiền lãi theo quy định pháp luật trong giai đoạn từ ngày 16/7/2018 ÂL nhằm ngày 26/8/2018 DL đến ngày 19/5/2021 DL (32 tháng 23 ngày) được tính như sau:

$10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 32 \text{ tháng } 23 \text{ ngày (983 ngày)} = 2.720.000 \text{ đồng (2).}$

Tổng cộng tiền lãi (1) + (2) = 30.912.000 đồng:

Tổng cộng tiền vốn - lãi: $110.000.000 \text{ đồng} + 30.912.000 \text{ đồng} = 140.912.000 \text{ đồng} - 24.750.000 \text{ đồng (nguyên đơn đã nhận)} = 116.162.000 \text{ (Một trăm mười sáu triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.}$

Buộc ông bà Ngô Văn A - Trần Thị L có trách nhiệm trả cho ông bà Nguyễn Văn T - Phạm Thị Kim H (Mai) số tiền: *116.162.000 (Một trăm mười sáu triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà Nguyễn Văn T - Phạm Thị Kim H (Mai);

Buộc ông bà Ngô Văn A - Trần Thị L có trách nhiệm trả cho ông bà Nguyễn Văn T - Phạm Thị Kim H (Mai): 116.162.000 (Một trăm mười sáu triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí sơ thẩm:

Ông bà Ngô Văn A - Trần Thị L phải chịu 5.808.000 (Năm triệu, tám trăm lẻ tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông bà Nguyễn Văn T - Phạm Thị Kim H (Mai) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Thủy 2.750.000 (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2016/0004187 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Ngô Văn A là 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát X (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS X (1);
- Các đương sự;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Thị Kiều Nga